

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/DS-PT
Ngày 21-11-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Sơn Cươl - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2022/TLPT-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: 1/ Bà Võ Thị P, sinh năm 1954 (Có mặt).

2/ Ông Nguyễn Hữu L (L), sinh năm 1952 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã G2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Võ Thị P vợ của ông Nguyễn Hữu L trực tiếp vay tiền của bà Nguyễn Thị N nhiều lần để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, có làm biên nhận nợ cụ thể:

- Ngày 03/3/2020 bà Võ Thị P vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp 164.000 đồng, đúng 150 ngày là góp trả hết vốn và lãi, bà P góp được 90 ngày được số tiền 14.760.000 đồng. Tiền vốn còn nợ là 5.240.000 đồng.

- Ngày 02/4/2020 bà P vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp 164.000 đồng, đúng 150 ngày là góp trả hết vốn và lãi, bà P góp được 60 ngày được số tiền 9.840.000 đồng. Tiền vốn còn nợ là 10.160.000 đồng.

- Ngày 03/5/2020 bà P vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày góp 164.000 đồng, đúng 150 ngày là góp trả hết vốn và lãi, bà P góp được 29 ngày được số tiền 4.756.000 đồng. Tiền vốn còn nợ là 15.244.000 đồng.

Hiện tại bà P còn nợ tiền vốn tổng cộng là 30.644.000 đồng.

Ngoài ra bà Võ Thị P có nhờ con gái là Nguyễn Thị H vay tiền của bà N giúp cho bà P nhiều lần không có làm biên nhận nợ, cụ thể:

- Ngày 20/4/2020 bà H vay giúp bà P 30.000.000 đồng, thỏa thuận góp vốn, lãi 150 ngày, mỗi ngày góp 246.000 đồng. Bà H góp giúp bà P được 112 ngày bằng số tiền 10.332.000 đồng. Còn nợ 19.668.000 đồng.

- Ngày 22/4/2020 bà H vay giúp bà P 30.000.000 đồng, thỏa thuận góp vốn, lãi 150 ngày, mỗi ngày góp 246.000 đồng. Bà H góp giúp bà P được 40 ngày bằng số tiền 9.840.000 đồng. Còn nợ 20.160.000 đồng.

- Ngày 30/4/2020 bà H vay giúp bà P nhiều lần cộng lại tổng số tiền 46.728.000 đồng, thỏa thuận lại 0,5%/ ngày (15%/tháng). Do bà H nói vài ngày bà P sẽ trả số tiền này nên chưa góp trả. Còn nợ 46.728.000 đồng.

Những lần bà H vay tiền giúp bà P như trình bày ở trên do bà N tin tưởng bà H và bà P nên đều không có làm biên nhận nợ, bà N cũng không có hỏi bà P để xác nhận với bà P việc có nhờ bà H vay nợ giúp hay không. Tổng cộng số tiền bà H vay giúp bà P đến nay còn nợ là 86.556.000 đồng.

Tính tổng 06 lần vay gồm bà P trực tiếp vay còn nợ 30.644.000 đồng và số tiền bà H vay giúp bà P còn nợ là 86.556.000 đồng. Tổng cộng bà P còn nợ là 117.200.000 đồng. Sau đó bà H có trả cho bà N được 4.900.000 đồng, còn nợ lại 112.300.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L (L) phải liên đới trả cho bà số tiền 112.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng), kể tính từ ngày 03/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/7/2022.

* Bị đơn Võ Thị P trình bày:

- Ngày 03/3/2020 bà P có đến nhà bà N vay 20.000.000 đồng tiền góp, thỏa thuận mỗi ngày góp 164.000 đồng, góp đúng 150 ngày là hết vốn và lãi. Bà P góp được 90 ngày được số tiền 14.760.000 đồng. Còn nợ tiền gốc 5.240.000 đồng.

- Ngày 02/4/2020 bà P vay 20.000.000 đồng tiền góp, thỏa thuận mỗi ngày góp 164.000 đồng, góp đúng 150 ngày là hết vốn và lãi. Bà P góp được 60 ngày được số tiền 9.840.000 đồng. Còn nợ tiền gốc 10.160.000 đồng.

- Ngày 03/5/2020 bà P vay 20.000.000 đồng tiền góp, thỏa thuận mỗi ngày góp 164.000 đồng, góp đúng 150 ngày là hết vốn và lãi. Bà P góp được 29 ngày được số tiền 4.756.000 đồng. Còn nợ tiền gốc 15.244.000 đồng.

Bà P thừa nhận 03 lần vay trên để nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình. Đến nay còn nợ của bà N tiền vốn tổng cộng là 30.644.000 đồng theo như bà N trình bày. Số nợ 30.644.000 đồng bà P xác định là nợ riêng của bà, ông Luông không biết việc bà vay tiền nên bà không yêu cầu ông Luông cùng bà trả nợ cho bà N. Do hoàn cảnh khó khăn, nuôi tôm thất liên tục nên bà P chưa trả nợ cho bà N. Tại phiên tòa hôm nay bà P đồng ý trả cho bà N số tiền vốn là 30.644.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) từ ngày 03/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/7/2022.

Còn đối với số tiền 86.556.000 đồng bà N cho rằng bà P nhờ bà Nguyễn Thị H vay giùm là không đúng, bà P không có nhờ bà H vay giùm khoản tiền nào của bà N. Vì nếu bà H có vay nợ giùm thì bà N sẽ buộc bà và bà H làm biên nhận nợ, nhưng bà N nói vay giùm mà không làm biên nhận nợ là không đúng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H không có vay tiền giùm bà P số tiền 86.556.000 đồng như bà N trình bày, bởi vì nếu bà H có vay tiền của bà N thì bà N sẽ làm biên nhận nợ với bà H. Vào ngày 29/7/2020 và ngày 05/11/2020 thì bà N có gọi điện thoại cho bà H và nội dung bà N ghi âm đúng là cuộc nói chuyện giữa bà N với bà H, nhưng nội dung nói chuyện trong 02 đoạn ghi âm này là việc bà H thừa nhận bản thân bà H có nợ bà N số tiền 115.000.000 đồng, bà N đã khởi kiện bà H tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, tại bản án số 32/2021/DS-ST ngày 29/4/2021 đã được xét xử buộc bà H trả cho bà N số tiền 132.747.945 đồng (trong đó tiền gốc vay là 115.000.000 đồng và tiền lãi 17.747.945 đồng). Ngoài ra, bà H không có vay khoản tiền nào khác của bà N. Việc bà N cho rằng bà vay tiền giùm bà P 86.556.000 đồng là hoàn toàn không đúng.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 26/2022/DS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:
Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L (L) phải liên đới trả số tiền tiền gốc và lãi tổng cộng 44.141.236 đồng (trong đó gồm 30.644.000 đồng tiền gốc và 13.497.236 đồng tiền lãi).

[2] Buộc bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L phải liên đới trả số tiền tiền gốc và lãi tổng cộng 44.141.236 đồng (trong đó gồm 30.644.000 đồng tiền gốc và 13.497.236 đồng tiền lãi).

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L chậm trả số tiền nêu trên cho bà N, thì bà P và ông Luông phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L trả số tiền nợ 86.556.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 19-7-2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST, ngày 19-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo hướng chấp nhận yêu cầu buộc bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L trả số tiền nợ 86.556.000 đồng cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên ý kiến. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Hữu L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông Nguyễn Hữu L.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng nguyên đơn và bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, do đó các đương sự có quyền và nghĩa vụ như nhau khi hai bên xác lập giao dịch dân sự. Theo đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đối với khoản nợ vay mà nguyên đơn cho rằng bà H vay dùm cho bà P là 86.556.000 đồng, nguyên đơn không có chứng cứ nào để chứng minh là bà H vay dùm hoặc có xác nhận của bà P là có nhờ bà H vay dùm. Ngoài những lời khai này ra thì bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà H có vay dùm cho bà P số tiền 86.556.000 đồng trong khi bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận, Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L trả số tiền nợ 86.556.000 đồng là có căn cứ.

[4]. Đối với số tiền lãi 11.200.000 đồng mà bà T cần trừ qua cho bà N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng tại tờ tường trình của bà T cũng không biết rõ là đóng lãi của số tiền gốc bao nhiêu, trong khi bị đơn cho rằng là phần tiền góp của nhiều ngày do dịch không góp được, mặt khác tờ tường trình của bà T là do nguyên đơn viết thay. Do đó việc nguyên đơn căn cứ vào việc đóng lãi 11.200.000 đồng để chứng minh bà H có vay dùm cho bị đơn số tiền 86.556.000 đồng là không có căn cứ.

[5]. Đối với đoạn ghi âm giữa nguyên đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H mà nguyên đơn cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm, sự việc nói chuyện này các đương sự đều thừa nhận là đúng và đều thống nhất, nhưng nội dung cuộc nói chuyện cũng không đề cập đến việc có xác nhận là bị đơn vay tiền hoặc bà H là người vay dùm cho bị đơn. Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

[6]. Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L trả số tiền nợ 86.556.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[7]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự giữ nguyên bản

án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[9]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST, ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L (L) phải liên đới trả số tiền tiền gốc và lãi tổng cộng 44.141.236 đồng (trong đó gồm 30.644.000 đồng tiền gốc và 13.497.236 đồng tiền lãi).

[2]. Buộc bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L phải liên đới trả số tiền tiền gốc và lãi tổng cộng 44.141.236 đồng (trong đó gồm 30.644.000 đồng tiền gốc và 13.497.236 đồng tiền lãi).

[3]. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L chậm trả số tiền nêu trên cho bà N, thì bà P và ông Luông phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L trả số tiền nợ 86.556.000 đồng.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị P và ông Nguyễn Hữu L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 4.327.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 2.891.000 đồng theo biên lai thu số 0009162 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà N phải nộp thêm 1.436.800 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005475 ngày 19-7-2022 của Chi cục thi hành án huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Bà N đã thực hiện xong án phí phúc thẩm.

[7]. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THA huyện M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định